



Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Vietinbank Aviva
 Phòng 1001 B, Tầng 10, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội Điện
 thoại: (04) 3 771 5577 Fax: (04) 3 724 6446
 Chăm sóc khách hàng: (04) 3 724 6699 www.vietinaviva.vn; Wecare@vietinaviva.vn

**TÀI LIỆU MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
 SẢN PHẨM PHÁT LỘC THÀNH TÀI**

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Đền mua bảo hiểm: Tên Người đại diện:	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi bảo hiểm
Người được bảo hiểm chính (NDBH chính):	Nguyễn Hoàng Long	Nam	12/07/1981	30
Người được bảo hiểm bổ sung:	Nguyễn Hoàng Long	Nam	12/07/1981	30

THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Định kỳ đóng phí: Năm

Người được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Số tiền bảo hiểm (gốc) (đồng)	Phí bảo hiểm định kỳ (đồng)
Nguyễn Hoàng Long	18	18	300.000.000	30.646.000
Sản phẩm bổ trợ:				
1. Mã sản phẩm - Bảo hiểm tử kỳ dành cho trẻ em				0
2. Mã sản phẩm - Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo				0
Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính và sản phẩm bổ trợ				

Năm	Quý	Tháng
30.646.000	8.581.000	3.065.000
16.242.000		
06 tháng		

Ghi chú:

- Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ trợ Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo có thể thay đổi tại thời điểm tái tục, phí bảo hiểm của các sản phẩm khác được đảm bảo và không thay đổi.
- Phí bảo hiểm được trình bày trên đây là mức phí cho người có sức khỏe tiêu chuẩn theo quy định của Vietinbank Aviva. Phí bảo hiểm áp dụng cho Quý khách có thể khác với minh họa ở trên, phụ thuộc vào tình trạng sức khỏe và nghề nghiệp của Người được bảo hiểm.

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG

A. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG

Sản phẩm	Quyền lợi bảo hiểm	Giá trị của quyền lợi bảo hiểm (đồng)	Ghi chú
Dành cho Người được bảo hiểm chính: Nguyễn Hoàng Long			
Phát Lộc Thành Tài	Quyền lợi duy trì Hợp đồng	16.554.000	Được xác định tại Ngày ký niệm hợp đồng ba (03) năm trước ngày Hợp đồng đáo hạn
	Quyền lợi duy trì Hợp đồng đặc biệt	47.382.000	
	Quyền lợi đáo hạn	947.645.000	
	QLBH tử vong	300.000.000	Được tính tại đầu Năm hợp đồng thứ nhất, tăng theo Số tiền bảo hiểm gia tăng
	QLBH Thương tật toàn bộ vĩnh viễn	300.000.000	Được tính tại đầu Năm hợp đồng thứ nhất, tăng theo Số tiền bảo hiểm gia tăng
Dành cho Người được bảo hiểm bổ sung:			
Bảo hiểm tử kỳ dành cho trẻ em			
	QLBH tử vong		
	QLBH Thương tật toàn bộ vĩnh viễn	0	
	QLBH bệnh hiểm nghèo	0	
Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo	QLBH bệnh hiểm nghèo dành cho nam giới	0	<ul style="list-style-type: none"> Ung thư, Bệnh tim, Tai biến mạch máu não (Đột quỵ), Suy thận, Suy gan: trả 100% Số tiền bảo hiểm Ung thư tinh hoàn, dương vật, tuyến tiền liệt, đại tràng, phổi hoặc gan: trả 150% Số tiền bảo hiểm. Sỏi thận: trả 10% Số tiền bảo hiểm nhưng không quá 40 (bốn mươi) triệu đồng. Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bổ trợ sẽ tự động giảm xuống tương ứng với số tiền được chi trả. QLBH này được trả tối đa 2 (hai) lần.
	QLBH bệnh hiểm nghèo dành cho nữ giới	0	<ul style="list-style-type: none"> Ung thư, Bệnh tim, Tai biến mạch máu não (Đột quỵ), Suy thận, Suy gan, Chứa ngoài tử cung, Thai chết lưu (tuổi thai > 195 ngày), Tử vong sơ sinh (trong thời gian 30 ngày sau khi sinh): trả 100% Số tiền bảo hiểm. Ung thư biểu mô tại chỗ (CIS) xảy ra ở các bộ phận nữ giới: trả 10% Số tiền bảo hiểm nhưng không quá 350 (ba trăm năm mươi) triệu đồng. Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bổ trợ sẽ tự động giảm xuống tương ứng với số tiền được chi trả. QLBH này được trả 1 (một) lần.

Ghi chú: Quyền lợi bảo hiểm của các sản phẩm bổ trợ được nêu tại Điều khoản sản phẩm bổ trợ tương ứng.

B. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH

Năm hợp đồng	Tuổi của NĐBH chính	Phí bảo hiểm hàng năm (*)	Tổng phí bảo hiểm đã đóng (*)	Số tiền bảo hiểm gia tăng (*)	Quyền lợi duy trì Hợp đồng (*)	Quyền lợi duy trì Hợp đồng lũy tích (**)	QLBH tử vong (*)	QLBH thương tật toàn bộ vĩnh viễn (*)	Đơn vị: đồng	
									Giá trị hoàn lại (*)	
1	30	30.646.000	30.646.000	300.000.000	0	0	300.000.000	300.000.000		0
2	31	30.646.000	61.292.000	321.000.000	0	0	321.000.000	321.000.000		0
3	32	30.646.000	91.938.000	343.470.000	0	0	343.470.000	343.470.000		20.301.000
4	33	30.646.000	122.584.000	367.512.900	0	0	367.513.000	367.513.000		32.763.000
5	34	30.646.000	153.230.000	393.238.803	0	0	393.239.000	393.239.000		48.693.000
6	35	30.646.000	183.876.000	420.765.519	0	0	420.766.000	420.766.000		68.388.000
7	36	30.646.000	214.522.000	450.219.106	0	0	450.219.000	450.219.000		92.184.000
8	37	30.646.000	245.168.000	481.734.443	0	0	481.734.000	481.734.000		120.426.000
9	38	30.646.000	275.814.000	515.455.854	0	0	515.456.000	515.456.000		153.501.000
10	39	30.646.000	306.460.000	551.537.764	0	0	551.538.000	551.538.000		193.995.000
11	40	30.646.000	337.106.000	590.145.407	0	0	590.145.000	590.145.000		240.714.000
12	41	30.646.000	367.752.000	631.455.586	0	0	631.456.000	631.456.000		294.192.000
13	42	30.646.000	398.398.000	675.657.477	0	0	675.657.000	675.657.000		355.002.000
14	43	30.646.000	429.044.000	722.953.500	0	0	722.954.000	722.954.000		423.768.000
15	44	30.646.000	459.690.000	773.560.245	0	0	773.560.000	773.560.000		501.162.000
16	45	30.646.000	490.336.000	827.709.462	16.554.000	17.878.000	827.709.000	827.709.000		623.247.000
17	46	30.646.000	520.982.000	885.649.125	0	19.308.000	885.649.000	885.649.000		775.092.000
18	47	30.646.000	551.628.000	947.644.563	0	20.853.000	947.645.000	947.645.000		947.645.000

- (*) Các số liệu được cam kết và không thay đổi, được tính tại đầu Năm hợp đồng.

- (**) Các số liệu không cam kết, được tính với lãi suất giả định 10%/năm và tại cuối Năm hợp đồng. Lãi suất thực tế có thể thấp hơn hoặc cao hơn lãi suất giả định, phụ thuộc vào lãi suất đầu tư thực tế mà Vietinbank Aviva thực hiện được hàng năm.

Tổng quyền lợi chi trả cho khách hàng	Nếu nhận Quyền lợi duy trì Hợp đồng	Nếu tích lũy Quyền lợi duy trì Hợp đồng
Quyền lợi duy trì Hợp đồng	16.554.000	20.853.000
Quyền lợi duy trì Hợp đồng đặc biệt	47.382.000	47.382.000
Quyền lợi đáo hạn	947.645.000	947.645.000
Tổng	1.011.581.000	1.015.881.000

Ghi chú:

- Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này nhằm giúp Quý khách hiểu rõ hơn về quyền lợi bảo hiểm và phí bảo hiểm. Để biết thêm chi tiết, Quý khách vui lòng đề nghị Nhân viên tư vấn tư vấn thêm và/hoặc tham khảo các điều khoản Hợp đồng bảo hiểm đã được Bộ Tài chính phê chuẩn.

2) Các số liệu trong tài liệu minh họa này được xác định tại thời điểm minh họa và dựa trên giả định minh họa và dựa trên giả định rằng, trong thời hạn bảo hiểm không có yêu cầu nào của Quý khách làm thay đổi những số liệu trên.

Tôi, Bên mua bảo hiểm ký tên dưới đây, xác nhận đã được Nhân viên tư vấn của Vietinbank Aviva có tên và mã số như trong tài liệu này giải thích và tư vấn rõ ràng, đầy đủ về Tài liệu minh họa cũng như Điều khoản Hợp đồng của sản phẩm bảo hiểm nêu trên.

Chữ ký Bên mua bảo hiểm _____
Họ và tên: Nguyễn Hoàng Long
Ngày/tháng/năm: 08/02/2012

Tôi, Tư vấn viên ký tên dưới đây, cam kết đã giải thích và tư vấn rõ ràng, đầy đủ cho Bên mua bảo hiểm về nội dung Tài liệu minh họa cũng như Điều khoản Hợp đồng của sản phẩm bảo hiểm nêu trên.

Chữ ký Nhân viên tư vấn: _____
Họ và tên: Phạm Thị Ngọc Anh
Mã số: 12345
Ngày/tháng/năm: 08/02/2012

